



**Công ty Cổ phần Thủy điện
A Vương**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

3303070337

ngày 20 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4000478435 ngày 8 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Việt Hưng	Chủ tịch
Ông Cao Huy Bảo	Thành viên
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên
Ông Đoàn Ngọc Nam	Thành viên
Ông Đặng Thanh Bình	Thành viên
	(từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Trọng Oánh	Thành viên
	(đến ngày 13 tháng 4 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thiện	Trưởng ban
Ông Đoàn Trung Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Lễ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cao Huy Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Thế	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Cao Huy Bảo	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Thôn Dung, Thị trấn Thạnh Mỹ
Huyện Nam Giang
Tỉnh Quảng Nam
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tôi, Cao Huy Bảo, Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương, phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi thực hiện cuộc soát xét nhằm mục đích đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương được trình bày từ trang 5 đến trang 43. Thông tin bổ sung tại trang 44 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính giữa niên độ và không nằm trong phạm vi của cuộc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về thông tin bổ sung này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00344-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		284.607.320.926	311.573.783.467
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	13.275.630.969	23.217.345.251
Tiền	111		7.475.630.969	1.217.345.251
Các khoản tương đương tiền	112		5.800.000.000	22.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.820.000.000	36.620.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	140.820.000.000	36.620.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.076.774.717	232.951.508.989
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	119.698.995.185	235.867.391.475
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		851.142.723	339.768.800
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.566.330.055	1.581.944.507
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	34(b)(ii)	(4.039.693.246)	(4.837.595.793)
Hàng tồn kho	140	9	8.000.637.688	18.190.111.824
Hàng tồn kho	141		8.928.167.246	19.117.641.382
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(927.529.558)	(927.529.558)
Tài sản ngắn hạn khác	150		434.277.552	594.817.403
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		434.277.552	594.817.403
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.153.793.960.817	1.188.816.797.572
Tài sản cố định	220		1.069.205.550.004	1.105.603.645.678
Tài sản cố định hữu hình	221	10	987.254.390.812	1.023.617.032.006
Nguyên giá	222		3.298.950.874.127	3.294.425.274.127
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.311.696.483.315)	(2.270.808.242.121)
Tài sản cố định vô hình	227	11	81.951.159.192	81.986.613.672
Nguyên giá	228		82.661.382.235	82.661.382.235
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(710.223.043)	(674.768.563)
Tài sản dở dang dài hạn	240		552.648.400	552.648.400
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	552.648.400	552.648.400
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	73.260.001.864	71.690.591.822
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.800.000.000	79.800.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.539.998.136)	(8.109.408.178)
Tài sản dài hạn khác	260		10.775.760.549	10.969.911.672
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	14	10.775.760.549	10.969.911.672
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.438.401.281.743	1.500.390.581.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		196.289.067.250	170.434.649.072
Nợ ngắn hạn	310		196.289.067.250	170.434.649.072
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.275.881.352	10.922.966.603
Người mua trả tiền trước	312		4.500.695.251	3.099.965.499
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	17.454.311.713	39.136.738.733
Phải trả người lao động	314		3.864.800.413	23.922.240.904
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	12.600.000.000	6.500.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	53.578.274.958	6.836.974.878
Vay ngắn hạn	320	19	75.500.000.000	75.500.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	113.024.286
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	22.515.103.563	4.402.738.169
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.242.112.214.493	1.329.955.931.967
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.242.112.214.493	1.329.955.931.967
Vốn cổ phần	411	22	750.520.520.000	750.520.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.520.520.000	750.520.520.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		28.970.201.097	28.970.201.097
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	97.447.423.294	41.787.735.863
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		365.174.070.102	508.677.475.007
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		225.917.170.136	322.278.019.532
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		139.256.899.966	186.399.455.475
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.438.401.281.743	1.500.390.581.039

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Võ Thị Lan Anh
Kế toán viên

Người duyệt:


Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng


Cao Huy Bảo
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	292.569.635.040	94.601.149.566
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	131.423.041.998	95.825.994.075
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 01 - 11)	20		161.146.593.042	(1.224.844.509)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.689.050.346	1.626.085.216
Chi phí tài chính	22	29	485.794.805	9.156.199.599
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.025.119.722	5.395.441.875
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	16.166.196.702	9.204.219.522
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		147.183.651.881	(17.959.178.414)
Thu nhập khác	31		167.569.740	633.756.097
Chi phí khác	32		3.027.273	16.458.487
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		164.542.467	617.297.610
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		147.348.194.348	(17.341.880.804)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	8.091.294.382	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		139.256.899.966	(17.341.880.804)
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.855	(231)

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Võ Thị Lan Anh
Kế toán viên

Người duyệt:


Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng


Cao Huy Bảo
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	147.348.194.348	(17.341.880.804)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	40.812.644.068	40.731.437.443
Các khoản dự phòng	03	(2.480.336.875)	3.564.894.902
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(2.689.050.346)	(1.626.085.216)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	-	(600.080.383)
Chi phí lãi vay	06	2.025.119.722	5.395.441.875
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	185.016.570.917	30.123.727.817
Biến động các khoản phải thu	09	112.278.627.669	(27.289.725.622)
Biến động hàng tồn kho	10	10.383.625.259	(9.959.898.292)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(44.284.271.118)	10.207.194.480
Biến động chi phí trả trước	12	160.539.851	4.905.516.756
		263.555.092.578	7.986.815.139
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.025.119.722)	(2.643.234.028)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.864.356.718)	(330.330.096)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.920.000	2.980.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.749.539.000)	(9.582.706.295)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	247.929.997.138	(4.566.475.280)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.525.600.000)	(15.519.880.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	877.727.272
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(140.200.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	36.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.083.059.496	1.791.833.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(106.642.540.504)	(13.850.319.039)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	(151.229.170.916)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(151.229.170.916)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(9.941.714.282)	(18.416.794.319)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	23.217.345.251	101.141.438.178
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)	70	13.275.630.969	82.724.643.859

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Võ Thị Lan Anh
 Kế toán viên

Người duyệt:


Nguyễn Đình Phúc
 Kế toán trưởng


Cao Huy Bảo
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 8 tháng 1 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là AVC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (thủy điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 150 nhân viên (1/1/2021: 150 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	9 - 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
▪ tài sản khác	4 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện (“kinh doanh dịch vụ”). Trong kỳ, hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó, thông tin doanh thu và chi phí bộ phận kinh doanh dịch vụ chỉ bao gồm thông tin doanh thu dịch vụ và chi phí dịch vụ được trình bày tại các Thuyết minh 26 và Thuyết minh 27. Các thông tin doanh thu và chi phí còn lại được trình bày từ Thuyết minh 26 đến Thuyết minh 30 và thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	136.653.683	203.060.418
Tiền gửi ngân hàng	7.338.977.286	1.014.284.833
Các khoản tương đương tiền	5.800.000.000	22.000.000.000
	13.275.630.969	23.217.345.251

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,20% đến 3,30% (1/1/2021: 3,00% đến 3,50%).

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	140.820.000.000	36.620.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,70% đến 4,80% (1/1/2021: 3,70% đến 6,50%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng (1/1/2021: 6,62 tỷ VND).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	103.750.059.555	213.710.283.931
Các khách hàng khác	15.948.935.630	22.157.107.544
	119.698.995.185	235.867.391.475

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	103.750.059.555	213.710.283.931
Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	157.384.030	2.838.845.923
Công ty Truyền tải điện 2	1.859.629.920	1.963.244.441
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.128.159.292	1.128.159.292
Công ty Thủy điện Sông Bung	-	890.580.889
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	356.546.650	356.546.650
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung-TCT TTD QG	-	136.456.982

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.759.121.917	(927.529.558)	15.017.653.869	(927.529.558)
Công cụ, dụng cụ	10.419.527	-	756.339.117	-
Dịch vụ dở dang	3.158.625.802	-	3.343.648.396	-
	8.928.167.246	(927.529.558)	19.117.641.382	(927.529.558)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 1.033 triệu VND (1/1/2021: 1.033 triệu VND) nguyên vật liệu chậm luân chuyển được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.950.251.738.353	1.305.384.509.182	31.719.093.295	6.632.477.453	437.455.844	3.294.425.274.127
Tăng trong kỳ	-	4.476.600.000	-	49.000.000	-	4.525.600.000
Số dư cuối kỳ	1.950.251.738.353	1.309.861.109.182	31.719.093.295	6.681.477.453	437.455.844	3.298.950.874.127
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	956.222.839.058	1.280.249.853.470	30.487.935.452	3.410.158.297	437.455.844	2.270.808.242.121
Khấu hao trong kỳ	38.222.690.283	1.881.143.791	137.550.990	646.856.130	-	40.888.241.194
Số dư cuối kỳ	994.445.529.341	1.282.130.997.261	30.625.486.442	4.057.014.427	437.455.844	2.311.696.483.315
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	994.028.899.295	25.134.655.712	1.231.157.843	3.222.319.156	-	1.023.617.032.006
Số dư cuối kỳ	955.806.209.012	27.730.111.921	1.093.606.853	2.624.463.026	-	987.254.390.812

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 1.343 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 1.323 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	82.503.102.235	158.280.000	82.661.382.235
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	650.070.079	24.698.484	674.768.563
Khấu hao trong kỳ	24.935.664	10.518.816	35.454.480
Số dư cuối kỳ	675.005.743	35.217.300	710.223.043
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	81.853.032.156	133.581.516	81.986.613.672
Số dư cuối kỳ	81.828.096.492	123.062.700	81.951.159.192

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	552.648.400	7.489.072.317
Tăng trong kỳ	-	1.227.315.959
Giá trị các công trình sửa chữa lớn được quyết toán	-	(4.969.437.134)
Số dư cuối kỳ	552.648.400	3.746.951.142
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trụ sở điều hành Công ty	332.904.000	332.904.000
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	219.744.400	219.744.400
	552.648.400	552.648.400

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2021		1/1/2021	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần				
Phú Thạnh Mỹ	12,91%	79.800.000.000	(6.539.998.136)	(*)
				(8.109.408.178)
				(*)

Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24 tháng 1 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021		30/6/2020	
	VND		VND	
Số dư đầu kỳ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ	8.109.408.178		13.635.496.235	
	(1.569.410.042)		3.679.346.140	
Số dư cuối kỳ	6.539.998.136		17.314.842.375	

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/6/2021 Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND
Công cụ và dụng cụ	10.775.760.549	10.969.911.672

15. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sky An Tường	2.778.820.000	-
Công ty TNHH Phú Minh Cát	-	6.436.945.519
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	574.646.116	574.646.116
Công ty Cổ phần Phát triển Quảng Nam	216.413.744	432.477.618
Các nhà cung cấp khác	2.706.001.492	3.478.897.350
	6.275.881.352	10.922.966.603

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	-	266.600.593
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) – công ty mẹ cấp cao nhất	827.703.276	52.762.934
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung	47.945.261	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/cần trừ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.495.673.642	35.912.924.310	(37.997.638.832)	5.410.959.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.493.952.866	8.091.294.382	(8.864.356.718)	1.720.890.530
Thuế thu nhập cá nhân	1.515.524.862	4.778.444.253	(6.285.353.922)	8.615.193
Thuế tài nguyên	11.047.284.763	30.792.447.156	(36.836.651.021)	5.003.080.898
Phí dịch vụ môi trường rừng	14.079.630.600	11.891.271.348	(20.660.135.976)	5.310.765.972
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	2.504.672.000	4.811.614.500	(7.316.286.500)	-
	39.136.738.733	96.277.995.949	(117.960.422.969)	17.454.311.713

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trích quỹ lương	12.600.000.000	6.500.000.000

18. Phải trả ngắn hạn khác**(a) Phải trả khác**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	52.912.410.524	-
Phải trả lãi vay cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	5.550.032.399
Kinh phí công đoàn	-	27.411.948
Các khoản phải trả khác	665.864.434	1.259.530.531
	53.578.274.958	6.836.974.878

(b) Phải trả khác cho bên liên quan

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả lãi vay cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) – công ty mẹ cấp cao nhất	-	5.550.032.399

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Vay dài hạn đến hạn trả	
	2021	2020
	VND	VND
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 1/1	75.500.000.000	132.969.864.120
Biến động trong kỳ	-	-
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 30/6	75.500.000.000	132.969.864.120

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay từ các bên liên quan				
▪ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên) (i)	VND	2021	75.500.000.000	75.500.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			75.500.000.000	75.500.000.000

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VND, chịu lãi suất năm là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng quốc doanh cộng 0,5% và phải hoàn trả sau 24 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 9 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.402.738.169	7.980.773.176
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	22.959.036.000	7.188.124.500
Tiền khen thưởng từ các bên thứ ba	13.920.000	2.980.000
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ	(111.051.606)	(111.051.606)
Sử dụng trong kỳ	(4.749.539.000)	(9.582.706.295)
Số dư cuối kỳ	22.515.103.563	5.478.119.775



Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	750.520.520.000	28.970.201.097	41.787.735.863	404.518.196.032	1.225.796.652.992
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(17.341.880.804)	(17.341.880.804)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(75.052.052.000)	(75.052.052.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(7.188.124.500)	(7.188.124.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	750.520.520.000	28.970.201.097	41.787.735.863	304.936.138.728	1.126.214.595.688
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	203.741.336.279	203.741.336.279
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	750.520.520.000	28.970.201.097	41.787.735.863	508.677.475.007	1.329.955.931.967
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	139.256.899.966	139.256.899.966
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(204.141.581.440)	(204.141.581.440)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(22.959.036.000)	(22.959.036.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	55.659.687.431	(55.659.687.431)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	750.520.520.000	28.970.201.097	97.447.423.294	365.174.070.102	1.242.112.214.493

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)	65.630.261	656.302.610.000	87,45%
Ông Đặng Thanh Bình	5.546.134	55.461.340.000	7,39%
Các cổ đông khác	3.875.657	38.756.570.000	5,16%
	75.052.052	750.520.520.000	100,00%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên), được thành lập tại Việt Nam.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13 tháng 4 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 204.141.581.440 VND, tương ứng 2.720 VND/cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: phân phối khoản cổ tức 75.052.052.000 VND, tương ứng 1.000 VND/cổ phiếu) cho các cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động trong kỳ của quỹ đầu tư phát triển như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	41.787.735.863	41.787.735.863
Trích lập trong kỳ	55.659.687.431	-
Số dư cuối kỳ	97.447.423.294	41.787.735.863

25. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	169.344.000	1.185.408.000

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	283.504.059.927	80.987.468.536
▪ Cung cấp dịch vụ	9.065.575.113	13.613.681.030
	292.569.635.040	94.601.149.566

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng giá vốn		
▪ Điện đã bán	122.925.968.570	82.450.846.401
▪ Dịch vụ đã cung cấp	8.497.073.428	13.375.147.674
	<u>131.423.041.998</u>	<u>95.825.994.075</u>

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	2.689.050.346	1.626.085.216
	<u>2.689.050.346</u>	<u>1.626.085.216</u>

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.025.119.722	5.395.441.875
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.569.410.042)	3.679.346.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	30.085.125	81.411.584
	<u>485.794.805</u>	<u>9.156.199.599</u>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.046.967.675	4.190.509.338
Chi phí khấu hao và phân bổ	70.869.000	70.869.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.314.938.296	3.018.156.791
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(797.902.547)	(317.500.000)
Chi phí khác	5.531.324.278	2.242.184.393
	<u>16.166.196.702</u>	<u>9.204.219.522</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	528.498.952	1.046.944.601
Chi phí nhân công và nhân viên	27.231.395.414	24.989.211.142
Chi phí khấu hao và phân bổ	40.812.644.068	40.731.437.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.062.496.799	5.097.045.638
Chi phí thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước và bảo vệ môi trường rừng	47.495.333.004	17.725.373.627
Chi phí khác	27.273.847.869	14.064.421.846

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành Kỳ hiện hành	8.091.294.382	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	8.091.294.382	-

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	147.348.194.348	(17.341.880.804)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.734.819.435	(1.734.188.080)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	476.321.340	-
Ưu đãi thuế	(7.439.138.934)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.779.773	5.720.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	309.512.768	1.728.468.080
	8.091.294.382	-

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% đối với lợi nhuận/(lỗ) trước thuế cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm có doanh thu hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) và thuế suất thuế thu nhập thông thường cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2021). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

33. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	139.256.899.966	(17.341.880.804)
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	139.256.899.966	(17.341.880.804)

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	75.052.052	75.052.052
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	75.052.052	75.052.052

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	13.138.977.286	23.014.284.833
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	140.820.000.000	36.620.000.000
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	(ii)	125.265.325.240	237.449.335.982
		279.224.302.526	297.083.620.815

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên liên quan này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.837.595.793	352.523.393
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(797.902.547)	(317.500.000)
Số dư cuối kỳ	4.039.693.246	35.023.393

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán	6.275.881.352	6.275.881.352	6.275.881.352	-	-
Chi phí phải trả	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	-	-
Phải trả khác	53.578.274.958	53.578.274.958	53.578.274.958	-	-
Vay	75.500.000.000	77.307.470.000	77.307.470.000	-	-
	147.954.156.310	149.761.626.310	149.761.626.310	-	-

Ngày 1 tháng 1 năm 2021

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán	10.922.966.603	10.922.966.603	10.922.966.603	-	-
Chi phí phải trả	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-
Phải trả khác	6.836.974.878	6.836.974.878	6.836.974.878	-	-
Vay	75.500.000.000	80.284.288.194	80.284.288.194	-	-
	99.759.941.481	104.544.229.675	104.544.229.675	-	-

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng và các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	5.800.000.000	22.000.000.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	140.820.000.000	36.620.000.000
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	7.338.977.286	1.014.284.833
▪ Vay	(75.500.000.000)	(75.500.000.000)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 648 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Công ty (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 1.207 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty không chịu rủi ro tỷ giá hối đoái vì Công ty không có tài sản và nợ tài chính có số dư bằng tiền tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(e) Giá trị hợp lý****(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

		Giá trị ghi sổ	
		30/6/2021	1/1/2021
		VND	VND
Tài sản tài chính			
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>			
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(**)	73.260.001.864	71.690.591.822
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>			
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	13.275.630.969	23.217.345.251
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(*)	140.820.000.000	36.620.000.000
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác	(*)	121.225.631.994	232.611.740.189
Nợ phải trả tài chính			
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>			
▪ Phải trả người bán	(*)	(6.275.881.352)	(10.922.966.603)
▪ Chi phí phải trả	(*)	(12.600.000.000)	(6.500.000.000)
▪ Phải trả khác	(*)	(53.578.274.958)	(6.836.974.878)
▪ Vay	(**)	(75.500.000.000)	(75.500.000.000)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng vì tính chất đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	-	2.752.207.847
Mua điện	704.491.219	1.366.077.540
Cần trừ lãi vay phải trả với phải thu Công ty Mua bán điện	5.550.032.399	-
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)		
Chia cổ tức	178.514.309.920	65.630.261.000
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	2.025.119.722	2.643.234.028
Chi phí thuê văn phòng	1.016.064.000	1.429.355.640
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	283.504.059.927	80.987.468.536
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng		
Mua điện	108.891.505	88.820.097
Công ty Điện lực Quảng Nam		
Mua điện	72.283.592	109.140.875
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn		
Bán dịch vụ	-	5.805.459.478
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi		
Chia cổ tức	7.015.067.680	2.579.069.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Bán dịch vụ	-	1.137.284.649
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bung		
Bán dịch vụ	174.663.810	533.321.968
Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Truyền tải điện		
Bán dịch vụ	-	53.831.169
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung-TCT TTĐ QG		
Bán dịch vụ	-	2.227.565.504

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty Thủy điện Sông Tranh		
Bán dịch vụ	6.612.304	59.669.670
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung		
Bán dịch vụ	-	140.623.636
Mua điện	43.586.601	137.719.160
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế		
Mua dịch vụ	43.636.363	21.818.182
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	234.000.000	234.000.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	207.000.000	207.000.000
Hội đồng Quản trị		
Ông Ngô Việt Hưng – Chủ tịch		
Thù lao	243.000.000	243.000.000
Ông Cao Huy Bảo – Thành viên		
Thù lao	36.000.000	36.000.000
Ông Lưu Ngọc Mai Phi – Thành viên		
Thù lao	36.000.000	-
Ông Đoàn Ngọc Nam – Thành viên		
Thù lao	36.000.000	36.000.000
Ông Đặng Thanh Bình – Thành viên		
Thù lao	15.300.000	-
Ông Nguyễn Trọng Oánh – Thành viên		
Thù lao	20.700.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đình Phúc – Thành viên		
Thù lao	-	36.000.000
Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Thiện – Trưởng Ban Kiểm soát		
Thù lao	207.000.000	207.000.000
Các thành viên khác trong Ban Kiểm soát		
Thù lao	45.600.000	36.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
30/6/2021	30/6/2020
VND	VND

Cần trừ khoản phải thu của Công ty Mua bán điện và tiền lãi
vay phải trả cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam

5.550.032.399

-

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Võ Thị Lan Anh
Kế toán viên

Người duyệt:



Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng



Cao Huy Bảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**Phụ lục báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021****Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
1. Nhiên liệu	-	-
2. Vật liệu	528.498.952	1.046.944.601
3. Lương và bảo hiểm xã hội	22.280.175.958	17.547.055.066
Lương CNV	20.415.461.247	15.641.942.567
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.864.714.711	1.905.112.499
4. Khấu hao TSCĐ	39.876.132.355	40.039.020.473
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	4.062.496.799	5.097.045.638
Điện dùng nội bộ	885.666.316	1.564.038.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.176.830.483	3.533.007.126
6. Chi phí sửa chữa lớn	18.385.335.084	6.891.298.359
Sửa chữa lớn thuê ngoài	18.385.335.084	6.883.677.904
Sửa chữa lớn tự làm	-	7.620.455
7. Chi phí bằng tiền khác	53.959.526.124	21.033.701.786
Thuế tài nguyên	30.792.447.156	11.184.713.567
Phí môi trường rừng	11.891.271.348	4.319.256.060
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	4.811.614.500	2.221.404.000
Thuế đất	-	-
Ăn ca	530.340.000	549.218.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	54.608.400
Dự phòng nợ khó đòi	(797.902.547)	-
Chi phí bằng tiền khác	6.731.755.667	2.704.501.759
Cộng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7)	139.092.165.272	91.655.065.923
Chi phí lãi vay	2.025.119.722	5.395.441.875
Chênh lệch tỷ giá	30.085.125	81.411.584
Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, vật tư thu hồi	2.727.273	(570.751.942)
Tổng	141.150.097.392	96.561.167.440

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Võ Thị Lan Anh
Kế toán viên

Người duyệt:


Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởngCao Huy Bảo
Tổng Giám đốc

